

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 6 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

2. Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Minh Thu** –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Mộng Đẹp** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 512/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **H**, sinh năm 1965. Địa chỉ cư trú: Khóm 4, phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

- *Bị đơn:* Bà **Lý Thị P**, sinh năm 1965. Địa chỉ cư trú: Khóm 4, phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lý Thị P trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Ông Q và bà P sống chung từ năm 1984, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G (nay là phường 1) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19 tháng 12 năm 2002. Ly thân nhau khoảng 10 năm nay. Lý do, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên mâu

thuần, tình cảm giữa hai bên đã thật sự rạn nứt và sống ly thân nhau trong thời gian dài, có hàn gắn nhưng không mang lại kết quả. Ông Q nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với bà P nên ông yêu cầu được ly hôn với bà P.

+ Việc nuôi con: ông và bà P có ba người con chung gồm: Chị Hữu Thị N, sinh năm 1985, anh Hữu T, sinh năm 1993, anh Hữu L, sinh năm 1994. Hiện đã thành niên và có cuộc sống riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Chia tài sản: Ông và bà P không có tài sản chung nên ông không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Lý Thị P trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Bà P thống nhất về thời gian sống chung và có đăng ký kết hôn. Bà và Ông Q đã ly thân 06 năm nay, lý do: Ông Q có người phụ nữ bên ngoài nên ít về nhà, cũng không quan tâm chăm sóc cho vợ con và cũng không nói gì đến việc hàn gắn vợ chồng. Tuy nhiên, bà P cũng chấp nhận vì bà còn thương Ông Q nên bà không đồng ý ly hôn.

- Việc nuôi con: Bà P thống nhất có 03 người con như Ông Q trình bày, hiện nay đã thành niên nên bà thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Chia tài sản: Bà P thống nhất không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không có mặt theo giấy triệu của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải là không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông H xin ly hôn với bà Lý Thị P.

+ Về quan hệ con: Do các con đã thành niên nên không đặt ra xem xét

+ Về tài sản: Do không có không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn ông H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Lý Thị P đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần hai nhưng vắng mặt mà không vì sự kiện bất

khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó việc xét xử vắng mặt của họ là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Quan hệ hôn nhân:** Ông Q và bà P cùng xác định ông và bà P sống chung với nhau năm 1984 và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do trong thời gian sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình cảm đã rạn nứt nên Ông Q yêu cầu được chấm dứt hôn nhân với bà P. Bà P cũng thừa nhận Ông Q đã có người phụ nữ bên ngoài, không còn quan tâm chăm sóc cho gia đình. Mặc dù, bà P đã nhiều lần hằn găng nhưng không thành và thực tế giữa hai đã sống ly thân nhau trong một gian dài. Tại khoản 1 Điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định “vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Tuy nhiên, theo như với những lý do các bên đưa ra đã cho thấy tình trạng hôn nhân giữa Ông Q và bà P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu của Ông Q được ly hôn với bà P.

[3]. **Việc nuôi con:** Do con đã thành niên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét

[4]. **Chia tài sản:** Các đương sự thống nhất không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. **Về án phí:**

- Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002098 ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G;

- Bà Lý Thị P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 8, 9, 19, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông H và bà Lý Thị P.

2. Việc nuôi con: Do con đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

3. Chia tài sản: Thống nhất không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

4. Về án phí:

- Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002098 ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G;

- Bà Lý Thị P không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kê từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh Tấn